

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUỐC HUY



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CỬA HÀNG XĂNG DẦU QUỐC HUY**

**CHỦ DỰ ÁN
DNTN QUỐC HUY**



CHỦ DOANH NGHIỆP
Nguyễn Thị Hòa

Kon Tum, tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ, KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ	5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở:	6
1.2. Tên cơ sở:.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện.....	9
1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	10
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	13
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	13
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	15
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	15
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	16
3.1.2.1. Nước thải sinh hoạt:.....	16
3.1.2.2. Nước thải nhiễm dầu.....	16
3.1.3. Xử lý nước thải.....	17
3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt.....	17
3.1.3.2. Xử lý nước thải nhiễm dầu.....	18
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	18
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	20
3.4. Chất thải nguy hại.....	21
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	21
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	22

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	26
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	26
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	26
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	27
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	29
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	32
6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	32
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	32
6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	32
6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường theo đề xuất của chủ cơ sở:.....	32
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	33
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	34
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	35
PHỤ LỤC	36

DANH MỤC CÁC TỪ, KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
MTV	Một thành viên
UBND	Ủy ban nhân dân
GCN	Giấy chứng nhận
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTNH	Chất thải nguy hại
QLCTNH	Quản lý chất thải nguy hại
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTRTT	Chất thải rắn thông thường
BYT	Bộ Y tế

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Quy mô Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy	8
Bảng 2. Khối lượng sản phẩm kinh doanh.....	8
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước.....	10
Bảng 4. Danh mục máy móc thiết bị.....	11
Bảng 5. Các hạng mục đầu tư	10
Bảng 6. Các công trình xử lý môi trường.....	11
Bảng 7. Thống kê chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở.....	20
Bảng 8. Thống kê chất thải nguy hại	21
Bảng 9. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	26
Bảng 10. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải nhiễm dầu	26
Bảng 11. Giá trị giới hạn cho phép đối với tiếng ồn	277
Bảng 12. Giá trị giới hạn cho phép đối với độ rung	28
Bảng 1. Kết quả quan trắc bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung	30
Bảng 2. Kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất.....	30
Bảng 15. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	33

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ

Hình 1. Hình ảnh vị trí Cửa hàng.....	6
Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa	15
Hình 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt	16
Hình 4. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải nhiễm dầu	17
Hình 5. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn	17
Hình 6. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu	18

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUỐC HUY.
- Địa chỉ văn phòng: Thôn Blông Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Hòa - Chức vụ: Chủ doanh nghiệp
- Điện thoại: 0603.894.901
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 6100136414 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 9 năm 2013.
- Mã số thuế: 6100136414.

1.2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU QUỐC HUY.
- Địa điểm cơ sở: Thôn Blông Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.



Hình 1. Hình ảnh vị trí Cửa hàng trên bản đồ vệ tinh

Vị trí Cửa hàng được xây dựng trên tuyến Quốc lộ 14 thuộc địa bàn thôn Blông Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum; có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp : Cửa hàng VLXD Quốc Huy;
- Phía Nam giáp : Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy;
- Phía Đông giáp : Giáp đất ruộng;
- Phía Tây giáp : Giáp Quốc lộ 14.

Vị trí xây dựng cửa hàng cách Ủy ban nhân dân xã Đăk Môn khoảng 240 m về phía Tây Nam và cách trung tâm thị trấn Đăk Glei khoảng 16 km về phía Bắc, cách trung tâm thị trấn Plei Kần huyện Ngọc Hồi khoảng 25 km về phía Nam. Cửa hàng nằm trên trục Quốc lộ 14 nên rất thuận lợi cho việc giao thông đi lại và kinh doanh của cửa hàng.

Vị trí xây dựng Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy đã được Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nhị và bà Nguyễn Thị Hòa (*Hộ gia đình đã góp vốn bằng quyền sử dụng đất xây dựng và kinh doanh xăng dầu*) số AC 858492 ngày 16/01/2007 với diện tích 1.800 m² (*Đất trồng cây lâu năm*); Đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất chuyên dùng với diện tích 600 m² (*theo Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei*).

– *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:*

+ Giấy xác nhận đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường số 03/UBND-ĐKMT do UBND huyện Đăk Glei cấp ngày 25/01/2008.

– *Các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của cơ sở:*

+ Giấy phép xây dựng số 13/GPSCCT ngày 23/02/2017 do Sở Xây dựng cấp.

+ Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 38/GCNĐĐK-SCT do Sở Công thương cấp ngày 24/9/2021.

– *Quy mô của cơ sở:*

+ Quy mô sử dụng đất: Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy được phép xây dựng với tổng diện tích là 300 m² theo Giấy phép xây dựng số 13/GPSCCT ngày 23/02/2017 trên tổng diện tích 1.800 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 858492 ngày 16/01/2007.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy

+ Tổng vốn đầu tư dự án là: 1.000.0000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

+ Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy thuộc danh mục dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); thuộc nhóm III theo tiêu chí về môi trường (*được quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

a) Công suất hoạt động của cơ sở:

Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy hiện đang hoạt động với tổng sức chứa xăng dầu tại cửa hàng là 80 m³. Cụ thể như sau:

Bảng 3. Quy mô Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy

STT	Loại bồn chứa	Số lượng	Dung tích bồn (m ³)
1	Bể Xăng 95	1	15
2	Bể Xăng E5	1	15
3	Bể dầu Diesel	2	25

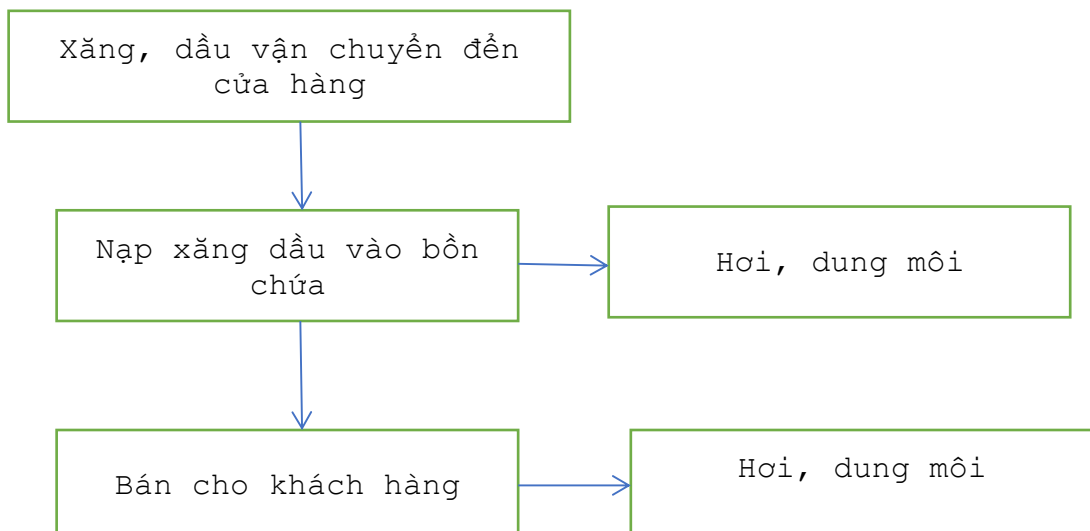
– Số trụ bơm tại cửa hàng:

+ Cột bơm xăng: 02 cột

+ Cột bơm dầu: 02 cột

b) Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình kinh doanh xăng dầu tại cửa hàng được thể hiện trong sơ đồ sau:



❖ **Thuyết minh quy trình:**

Xăng, dầu được Công ty Cổ phần Xăng dầu khí PV Oil Miền Trung vận chuyển bằng các xe bồn xi-tec chuyên dụng, đưa đến cửa hàng và được bơm vào bồn chứa xăng, dầu tại Cửa hàng để dự trữ. Tất cả bồn chứa xăng, dầu đều được đặt ngầm dưới đất cách mặt đất, bồn được kê đà bê tông, cốt sắt, thành hầm chứa bồn được xây bằng gạch, có ống thông hơi cao để bảo đảm an toàn cho PCCC.

Trong quá trình nhập xăng dầu từ xe bồn vào bồn chứa thì mọi hoạt động tại cơ sở sẽ được tạm ngưng cho đến khi quá trình bơm từ xe bồn vào bồn chứa của Cửa hàng hoàn tất. Nhằm tránh tình trạng xảy ra cháy nổ và tràn xăng dầu.

Xăng dầu tại cơ sở sẽ được bán lẻ cho người tiêu dùng thông qua trụ bơm điện tử định lượng. Người tiêu dùng khi đến Cửa hàng để mua xăng dầu theo nhu cầu sẽ được nhân viên hướng dẫn việc tắt phương tiện giao thông trong quá trình tiếp nhiên liệu và không được sử dụng điện thoại, hút thuốc tại khu vực trụ bơm bán hàng của Cửa hàng.

c) Sản phẩm của cơ sở:

Cửa hàng xăng dầu Khánh Ân kinh doanh lĩnh vực bán lẻ nhiên liệu xăng, dầu; các sản phẩm bán ra trong 1 năm của cơ sở ước tính như sau:

Bảng 4. Khối lượng sản phẩm kinh doanh

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng (m ³)
1	Xăng 95	15
2	Xăng E5	15
3	Dầu DO	20

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

Hoạt động kinh doanh của Cửa hàng không có sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất. Riêng điện, nước chủ yếu dùng để phục vụ quá trình kinh doanh và các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của cơ sở.

1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện

Điện chủ yếu phục vụ cho các cột bơm, các thiết bị văn phòng, sinh hoạt và chiếu sáng. Nhu cầu sử dụng điện khoảng 400-500kwh/tháng. Nguồn điện được cung cấp từ lưới điện đi ngang qua khu vực, Công ty hợp đồng với Điện lực huyện Đăk Glei cung cấp.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước

Nước chủ yếu sử dụng để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt của nhân viên

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy
 làm việc tại Cửa hàng, khách hàng, tưới cây xanh, dự phòng chữa cháy,... Khối lượng nước sử dụng hàng ngày của Cửa hàng được tính toán như sau:

Bảng 5. Nhu cầu sử dụng nước

STT	Hoạt động sử dụng nước	Quy mô	Định mức sử dụng nước theo QCVN 01:2021/BXD	Khối lượng sử dụng ($m^3/ngày\ đêm$)
I Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt (Q_{sh})				
1	Nhân viên	02 người	80 lít/người/ngày đêm	0,16
2	Khách hàng	700 người	10 lít/người/lần	7
II Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích khác (Q_k)				
-	PCCC	-	-	1,8
-	Tưới cây xanh	-	-	0,4
	Tổng cộng			9,36

Nguồn cung cấp nước: Giếng đào.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

a) Các loại phương tiện, máy móc sử dụng:

Bảng 6. Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên gọi	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Tình trạng đưa vào sử dụng
1	Máy vi tính	Lắp ráp tại VN	2018	Mới 100%
2	Máy in	Lắp ráp tại VN	2018	Mới 100%
3	Điện thoại	Lắp ráp tại VN	2018	Mới 100%
4	Cột bơm	Lắp ráp tại VN	2018	Mới 100%
5	Bình chữa cháy	Lắp ráp tại VN	2018	Mới 100%

b) Hạng mục đầu tư của cơ sở:

– Các hạng mục đầu tư của cơ sở đã thực hiện:

Bảng 5. Các hạng mục đầu tư

STT	TÊN HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Mái che cột bơm	m^2	140
2	Nhà bán hàng	m^2	160
3	Bể/bồn chứa xăng dầu	Bể (m^3)	4 bể/80 m^3

3.1	Bồn chứa xăng sinh học E5	Bồn	1 (15m ³ /bồn)
3.2	Bồn chứa xăng A95	Bồn	1(15m ³ /bồn)
3.3	Bồn chứa dầu DO	Bồn	2 (25m ³ /bồn)
4	Trạm cấp phát xăng, dầu	Trạm	1
4.1	Cột bơm xăng sinh học E5	Cột	1
4.2	Cột bơm xăng A95	Cột	1
4.3	Cột bơm dầu DO	Cột	2
5	Bể chứa cát PCCC	bể	2 (1m ³ /bể)
6	Khu vệ sinh công cộng	cái	1
7	Tường rào	m	50
8	Hệ thống điện	Hệ thống	1
9	Hệ thống chống sét	Hệ thống	1
10	Giếng nước	cái	3

– Các hạng mục công trình xử lý môi trường tại cơ sở:

Bảng 6. Các công trình xử lý môi trường

TT	Tên công trình biện pháp BVMT	Đơn vị	Khối lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể tự hoại 3 ngăn	BỂ	1	5 m ³
2	Mương thoát nước mưa	m	30	BTCT
3	Rãnh thu dầu	m	100	
4	Bể gạn dầu	m ³	1	
5	Thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	2	
6	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	12	Tường gạch, lợp ngói, lắp biển báo
7	Hệ thống phòng cháy chữa cháy			
7.1	Hệ thống thu lôi tiếp địa chống sét	Hệ thống	01	

7.2	Bình chữa cháy xách tay loại MF8 8kg	Bình	04	
7.3	Bình chữa cháy xách tay loại MT5 5kg	Bình	04	
7.4	Bình chữa cháy xách tay loại MFZ 35kg	Bình	01	
7.5	Chăn chiên chữa cháy	Cái	05	
7.6	Bể chứa nước	Bể	01	2m ³
7.7	Bể chứa cát	Bể	02	1m ³
7.8	Nội quy tiêu lệnh PCCC	Bộ	04	
7.9	Biển cấm lửa, cấm hút thuốc	Bộ	04	
7.10	Thùng cát	Thùng	02	100 lít/thùng

- Tổ chức quản lý: Chủ cơ sở trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động.
- Tổng số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở: 02 người.
- Chế độ làm việc: 02 ca/ngày đêm, mỗi ca 02 người (08 giờ/ca), làm việc tất cả các ngày trong tuần.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy phù hợp với quy hoạch mạng lưới xăng dầu trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; phù hợp với kết cấu hạ tầng và gắn kết với các quy hoạch khác có liên quan và phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu đúng định hướng, đảm bảo các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

Hoạt động kinh doanh của Cửa hàng mang lại nguồn lợi kinh tế cho địa phương cũng như tỉnh nhà và đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch vụ vận tải, các phương tiện giao thông ngày càng gia tăng và đặc biệt tác động tích cực đến nhu cầu sử dụng nhiên liệu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn và các khu vực lân cận.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

2.2.1. Đối với môi trường không khí:

Quá trình hoạt động kinh doanh của Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy không phát sinh khí thải cần phải xử lý, tuy nhiên hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực sẽ phát sinh lượng bụi, khí thải ra môi trường xung quanh. Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy đã thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải theo đúng nội dung trong Bản đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Do đó hoạt động của Cửa hàng không gây ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí.

2.2.2. Đối với môi trường nước:

Loại hình hoạt động kinh doanh của Cửa hàng không phát sinh nước thải xả vào nguồn nước nên hầu như không gây tác động xấu đến môi trường nước. Đối với nước mưa chảy tràn qua mặt bằng Cửa hàng được thu gom vào hố ga có song chắn rác để lắng cặn đất cát, sau đó dẫn theo mương bê tông có nắp đan thoát ra cống thoát nước chung tại khu vực, sân bãi của Cửa hàng thường xuyên được quét dọn sạch sẽ nên hạn chế tối đa chất bẩn cuốn trôi theo nước mưa. Ngoài ra, khi có xảy ra sự cố dầu nhớt bị đổ tràn trên nền sàn Cửa hàng, đơn vị sẽ thực hiện xịt rửa nền sàn làm phát sinh lượng nước thải có nhiễm dầu, lượng nước này sẽ được thu

gom vào bể lắng cát 03 ngăn để xử lý, tách sạch dầu, sau đó dẫn thoát ra công thoát nước chung tại khu vực.

2.2.3. Đối với môi trường đất:

Hoạt động của cơ sở không xả trực tiếp chất thải ra môi trường đất, không có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất. Các loại chất thải rắn (*chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*) đều được thu gom triệt để và đưa đi xử lý theo quy định; nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn đảm bảo đạt giới hạn của Quy chuẩn hiện hành về nước thải sinh hoạt trước khi dẫn qua giếng thấm tự ngấm vào môi trường đất.

Như vậy, các loại chất thải phát sinh tại cơ sở đều được thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và đúng theo quy định của pháp luật, do đó không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh và khả năng chịu tải của môi trường.

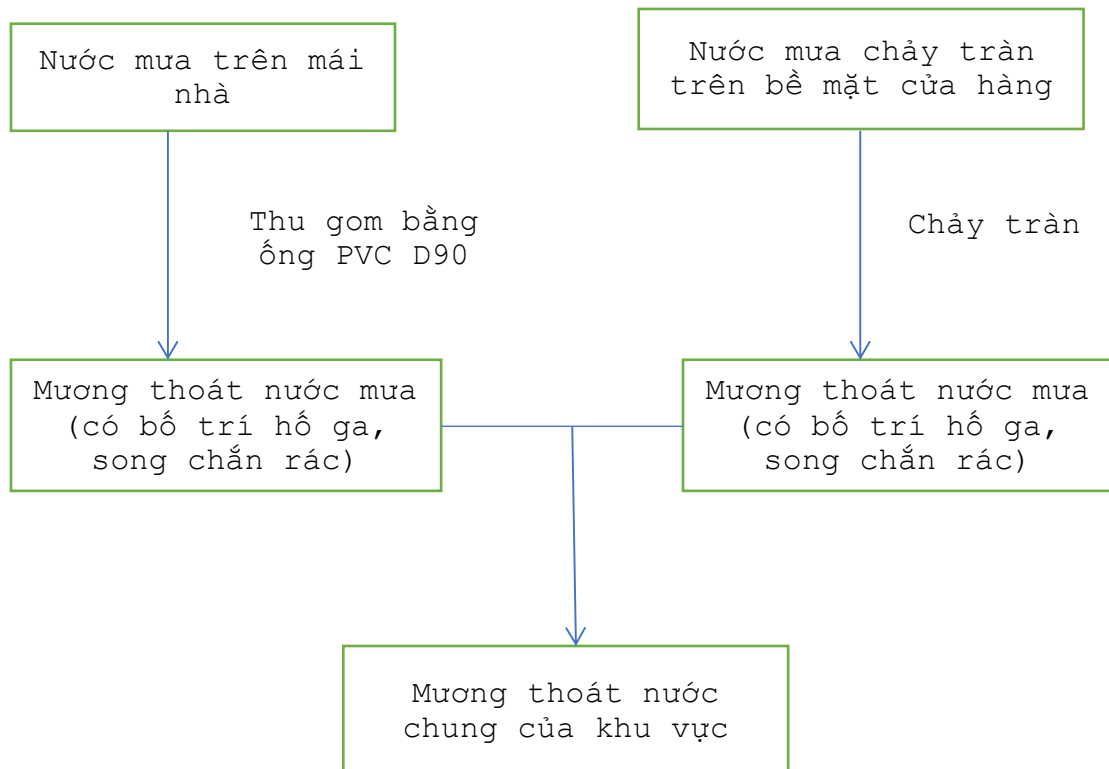
CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực Cửa hàng sẽ cuốn theo các chất bẩn, rác thải,... trên bề mặt theo nước mưa vào hệ thống cống thoát nước chung gây tắc nghẽn đường ống dẫn nước và ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước mặt tiếp nhận nước mưa. Để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn, Công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt tại cơ sở được thiết kế như sau:



Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

– Nước mưa rơi trên mái che trụ bơm và mái nhà bán hàng được thu gom vào máng thu nước mưa lắp đặt phía sau mái che nhà bán hàng, nước mưa từ máng thu dẫn theo đường ống nhựa PVC D90 từ trên mái xuống mặt đất và chảy vào mương thoát nước mưa bằng bê tông của cửa hàng, trên hệ thống mương bố trí hố ga (1m x 1m x 0,9m) để lắng cặn đất cát bị cuốn theo nước mưa, sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

– Nước mưa chảy tràn qua sân bãi khu vực Cửa hàng được thu gom vào mương bê tông của cửa hàng, trên hệ thống mương bố trí hố ga (1m x 1m x 0,9m)

để lắng cặn đất cát bị cuốn theo nước mưa, sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Bên cạnh đó, sân bãi của Cửa hàng đều đã bê tông hóa và được vệ sinh sạch sẽ, chất thải phát sinh được thu gom triệt để và lưu giữ đúng quy định, do đó nước mưa chảy tràn qua khu vực Cửa hàng không bị nhiễm bẩn. Ngoài ra, hàng năm Cửa hàng thực hiện nạo vét mương thoát nước, tránh tắc nghẽn gây ảnh hưởng môi trường khu vực.

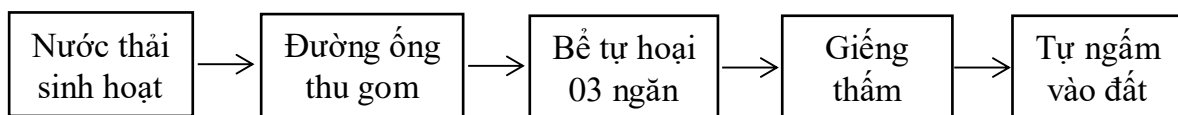
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

3.1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cửa hàng chủ yếu từ sinh hoạt ăn uống, tắm rửa và vệ sinh cá nhân của nhân viên và khách hàng. Số lượng nhân viên làm việc tại Cửa hàng là 02 người, số lượng khách hàng có nhu cầu vệ sinh cá nhân tại Cửa hàng tối đa khoảng 700 người/ngày đêm. Theo định mức sử dụng nước sinh hoạt quy định tại QCVN 01:2021/BXD, nhân viên làm việc tại Cửa hàng sử dụng khoảng 80 lít/ngày đêm/người, dự tính khách hàng sử dụng khoảng 10 lít/người/lần. Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt khoảng 7,16 m³/ngày đêm, lượng nước thải sinh hoạt khoảng 5,728 m³/ngày đêm (*tính bằng 80% lượng nước sử dụng*).

– Công trình thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các lavabo được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D60 dẫn vào hố ga bể tự hoại để lắng cặn trước khi dẫn qua giếng thấm tự ngấm vào môi trường đất; nước thải vệ sinh cá nhân từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D114 dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn (*thể tích 7 m³*) để xử lý.

– Công trình thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn qua giếng thấm và tự ngấm vào môi trường đất, không xả thải ra nguồn nước mặt.



Hình 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

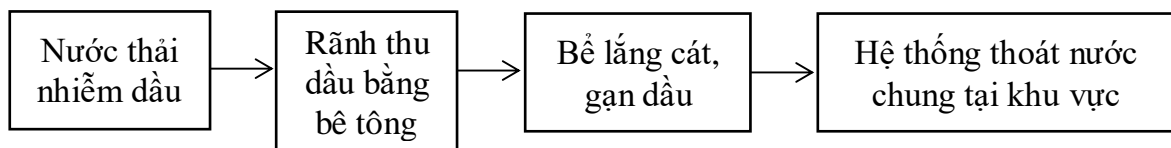
3.1.2.2. Nước thải nhiễm dầu

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi có sự cố xăng, dầu bị đổ tràn trên nền sàn Cửa hàng, đơn vị sẽ thực hiện vệ sinh nền sàn làm phát sinh lượng nước thải có nhiễm dầu, tuy nhiên hoạt động này chỉ thực hiện khi có sự cố xảy ra, lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý qua bể lắng cát, gạt dầu nên không gây tác động xấu đến môi trường.

– Công trình thu gom nước thải nhiễm dầu: Nước thải nhiễm dầu phát sinh được thu gom qua rãnh thu dầu chiều dài 15 m dẫn vào bể lắng cát, gạn dầu để xử lý.

– Công trình thoát nước thải nhiễm dầu: Nước thải sau khi qua bể lắng cát, gạn dầu được dẫn bằng đường ống nhựa PVC D90 xả ra hệ thống thoát nước chung tại khu vực.

– Điểm xả nước thải sau xử lý: Là mương thoát nước trên tuyến huyện lộ ĐH85, đây là hệ thống đường ống thoát nước chung của khu vực. Nước thải nhiễm dầu không phát sinh thường xuyên và lưu lượng không nhiều nên không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống.

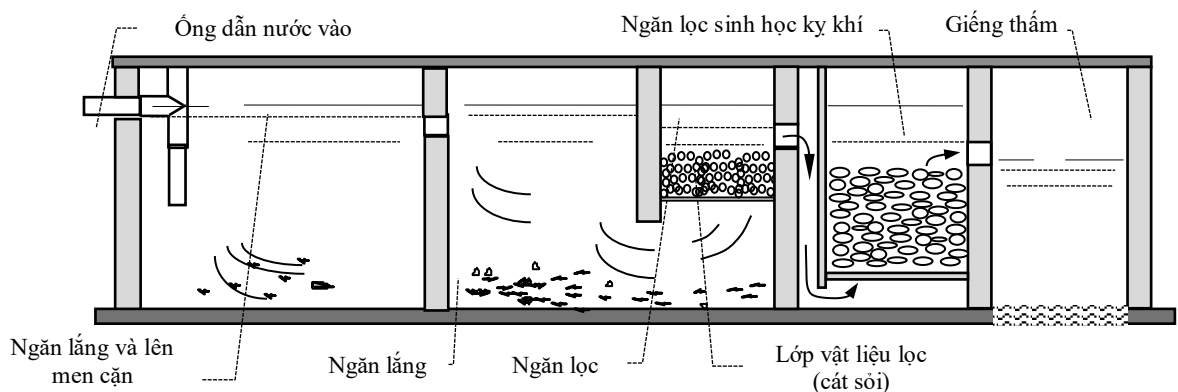


Hình 4. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải nhiễm dầu

3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chứa chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), các loại vi khuẩn,... được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 4 m³ đảm bảo xử lý lượng nước thải phát sinh tại cơ sở. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:



Hình 5. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn

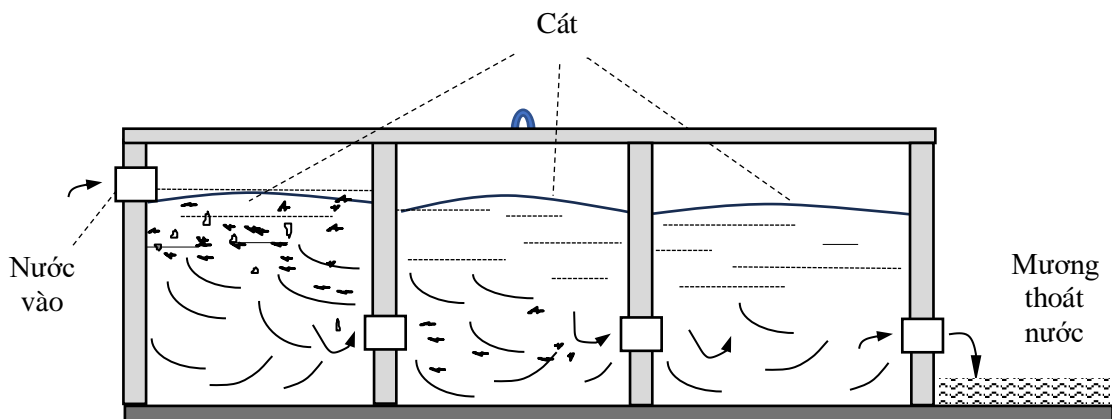
❖ Quy trình công nghệ xử lý:

– Bể tự hoại thực hiện đồng thời hai chức năng là lắng và phân hủy cặn lắng. Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải, các chất hữu cơ được lên men phân hủy yếm khí và lắng cặn xuống đáy, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3

- 6 tháng. Phần nước được dẫn vào ngăn thứ hai để tiếp tục lắng các chất hữu cơ còn lại và cặn lơ lửng, nhờ hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ trong nước bị phân huỷ tạo ra các chất khí và các chất vô cơ hoà tan, làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó nước được dẫn qua ngăn thứ 3 để lọc toàn bộ cặn lơ lửng còn lại trong nước, nước thải sau khi lọc được dẫn qua hố ga vào giếng thấm và tự ngấm vào môi trường đất. Phần cặn lắng định kỳ thuê đơn vị dịch vụ môi trường hút và xử lý theo quy định. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo hiệu quả xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn về quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3.1.3.2. Xử lý nước thải nhiễm dầu

Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu tại Cửa hàng như sau:



Hình 6. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu

❖ Quy trình xử lý:

Nước thải nhiễm dầu được thu gom vào bể lắng cát gạt dầu (dài 1 m, rộng 1m, sâu 1m) chia làm 03 ngăn chứa cát. Nước thải đi qua lần lượt các ngăn chứa cát để tách sạch hoàn toàn dầu, sau đó được dẫn thoát ra mương thoát nước chung tại khu vực. Lượng bùn cát nhiễm dầu trong bể định kỳ nạo vét xử lý theo quy định.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Loại hình hoạt động kinh doanh của cơ sở không phát sinh khí thải nên không có công trình xử lý khí thải. Tuy nhiên, hoạt động của các phương tiện vận chuyển xăng dầu, phương tiện giao thông của khách hàng vào Cửa hàng mua, nạp nhiên liệu sẽ phát sinh bụi, khí thải (CO , NO_2 , SO_2 ,...) vào môi trường không khí xung quanh tại khu vực. Để hạn chế tác động của bụi, khí thải đến môi trường xung quanh và bảo vệ sức khỏe của nhân viên, khách hàng. Cửa hàng đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

– Toàn bộ sân bãi của Cửa hàng đều đã được bê tông hóa và thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ nên hạn chế phát sinh bụi. Cửa hàng cũng đã trồng một số cây xanh bên ngoài tường rào nhằm hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

– Bố trí khu vực đậu xe phù hợp, điều tiết các phương tiện ra vào khu vực Cửa hàng hợp lý, giảm tốc độ, hạn chế nổ máy khi dừng xe.

– Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên Cửa hàng.

Ngoài ra, khi xảy ra mất điện tại khu vực, để kịp thời phục vụ nhu cầu của khách hàng, Cửa hàng sẽ sử dụng 01 máy phát điện dự phòng để phát điện tạm thời. Hoạt động của máy phát điện sẽ phát sinh khí thải ảnh hưởng môi trường xung quanh, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ mang tính gián đoạn, không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không cao. Tuy nhiên, để giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng, Cửa hàng đã thực hiện các biện pháp sau:

– Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

– Máy phát điện được đặt trong phòng có tường dày, và được đặt trên bệ bê tông chắc chắn, có chèn lớp cao su đàn hồi để giảm độ rung, hạn chế tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động.

– Vị trí đặt máy phát điện cuối hướng gió, cách xa khu vực kinh doanh và khu vực sinh hoạt của nhân viên.

– Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, để phát hiện và giải quyết kịp thời hư hỏng.

Đối với việc giảm thiểu mùi hôi phát sinh do hơi dung môi, Cửa hàng thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

– Vị trí bồn xăng dầu được đặt ngầm.

– Thường xuyên kiểm tra bồn xăng, dầu; đường ống dẫn xăng, dầu; súng bơm xăng dầu,... nhằm phát hiện kịp thời sự cố xảy ra.

– Trang bị khẩu trang cho nhân viên làm việc tại Cửa hàng.

– Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên.

– Quá trình nhập, xuất xăng dầu luôn ở trạng thái nhúng chìm vòi bơm, đảm bảo đầu vào của bơm luôn nằm dưới bề mặt chất lỏng; Rút ngắn thời gian trong quá trình cấp phát xăng, dầu.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

– Nguồn phát sinh: Chất thải rắn thông thường bao gồm chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại Cửa hàng và chất thải từ hoạt động kinh doanh không nhiễm thành phần nguy hại.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bao gồm thức ăn thừa, vỏ trái cây, hộp xốp, bì nilon, ly nhựa, chai nhựa, vỏ lon nước,... có chứa thành phần hữu cơ nên dễ phân hủy gây mùi hôi khó chịu, do đó cần được thu gom và xử lý thường xuyên để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và mỹ quan môi trường xung quanh..

+ Chất thải rắn thông thường thải ra từ hoạt động kinh doanh cơ sở: Thùng carton, hộp giấy, bao bì nilon, giấy vụn,...

– Khối lượng phát sinh: Số lượng nhân viên làm việc tại Cửa hàng là 02 người, định mức phát thải theo QCVN 01:2021/BXD là 0,8 kg/người/ngày đêm, khối lượng phát sinh tại Cửa hàng khoảng 1,6 kg/ngày; lượng rác thải sinh hoạt do khách hàng đến Cửa hàng phát sinh hầu như rất ít, tạm tính khoảng 05 kg/ngày; khối lượng rác thải từ hoạt động kinh doanh khoảng 6,6 kg/ngày.

Bảng 7. Thống kê chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở

TT	Nhóm CTRTT	Số lượng (kg/ngày)	Biện pháp xử lý CTRTT
1	Chất thải rắn có thể tái chế được (chai nhựa, lon nước, thùng carton, giấy,...).	2,5	Thu gom bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.
2	Chất thải hữu cơ (thức ăn thừa, rau củ quả bỏ,...) và các loại chất thải khác.	4,1	Thu gom vận chuyển đến bãi tập kết rác thải sinh hoạt của xã.
	Tổng khối lượng	6,6	

❖ *Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý:*

Để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, Cửa hàng bố trí 01 thùng chứa rác 20 lít có nắp đậy đặt tại khu vực nhà bán hàng để thu gom chất thải rắn thông thường phát sinh. Chất thải được phân loại tại nguồn để có biện pháp xử lý phù hợp, những loại chất thải có thể tái chế, tái sử dụng sẽ được thu gom bán cho đơn vị thu mua phế liệu; chất thải hữu cơ và các loại không có khả năng tái sử dụng được thu gom vào thùng chứa rác, cuối ngày cho nhân viên vận chuyển ra khu tập kết rác thải của xã để xử lý. Đồng thời đề ra nội quy yêu cầu nhân viên và khách hàng bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi gây mất mỹ quan khu vực.

3.4. Chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại Cửa hàng chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, các can, thùng phuy có nhiễm thành phần nguy hại, thiết bị, linh kiện điện tử văn phòng thải bỏ,... Khối lượng CTNH phát sinh thực tế như sau:

Bảng 8. Thống kê chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý
1	Giẻ lau dính dầu hoặc các thành phần nguy hại	18 02 01	0,5	Hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	05	
3	Pin, ắc quy chì thải	18 01 04	0	
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,5	
5	Hộp mực in thải bỏ	16 01 13	0	
	Tổng số lượng		06	

❖ *Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTNH:*

Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa (*dung tích 120 lít, 200 lít*) có nắp đậy kín, được dán nhãn, ghi mã số đặt tại kho chứa CTNH. Kho chứa CTNH có diện tích khoảng 12 m², bố trí trên nền cao, tường gạch, có mái che, lắp biển báo theo đúng quy định.

Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Hợp đồng số 256-ASTN/HĐKT-CTNH/2023*).

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ động cơ của các phương tiện vận chuyển xăng dầu, các phương tiện giao thông ra vào khu vực Cửa hàng để nạp nhiên liệu, tiếng còi xe, tiếng máy nổ phát điện dự phòng khi bị mất điện,... Nếu tiếp xúc liên tục, thường xuyên sẽ gây ra cảm giác căng thẳng, khó chịu, đau đầu, ảnh hưởng tim mạch, thính giác,... và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe nhân viên làm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Đại lý bán lẻ xăng dầu Quốc Huy
việc tại Cửa hàng. Để hạn chế đến mức thấp nhất các tác động xấu do tiếng ồn, độ rung, những biện pháp giảm thiểu được thực hiện tại Cửa hàng như sau:

– Bố trí các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực hợp lý, tránh tập trung cùng lúc; yêu cầu phương tiện ra vào Cửa hàng giảm tốc độ; quy định không được bóp còi, không được nổ máy trong lúc dừng đỗ tại khu vực Cửa hàng.

– Kiểm tra tình trạng kỹ thuật và giải pháp bố trí máy phát điện trước khi vận hành; thường xuyên bảo dưỡng, tra dầu mỡ các bộ phận của thiết bị, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

Tiếng ồn được so sánh với QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; độ rung được so sánh với QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh có thể xảy ra các sự cố đáng tiếc như sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,... gây thiệt hại tài sản của Doanh nghiệp và các đối tượng lân cận, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người và môi trường tại khu vực. Để phòng ngừa, ứng phó với các sự cố, Doanh nghiệp đề ra một số biện pháp như sau:

❖ Biện pháp an toàn lao động

– Đề ra các nội quy làm việc tại cơ sở, bao gồm nội quy sử dụng thiết bị, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn giao thông, nội quy an toàn cháy nổ, nội quy về trang phục bảo hộ lao động,...

– Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động như mũ, găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ,... cho nhân viên, tùy theo khu vực làm việc.

– Tuân thủ đúng quy trình khi nạp nhiên liệu, khi vận hành các cột bơm.

– Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ.

– Trang bị các phương tiện chữa cháy (bình bột, bình CO₂, cát, nước,...).

– Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện.

– Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở nhân viên sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

– Tổ chức cứu chữa nạn nhân, khắc phục kịp thời hậu quả khi có tai nạn xảy ra tại khu vực.

❖ Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Ban hành và niêm yết nội quy, quy định an toàn PCCC.
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện mỗi nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro.
- Bố trí hệ thống chống cháy nổ theo đúng quy định tại cơ sở.
- Hệ thống phát hiện khí: Các cảm biến khí và báo động được lắp đặt tại các điểm tiềm tàng xảy ra sự cố rò rỉ như các mặt pitch, van, các thiết bị truyền động chính và khu vực có nhiệt độ biến động.
- Hệ thống báo cháy (Các cảm biến báo cháy tự động và các điểm gọi báo cháy) được trang bị tại các điểm cần thiết.
- Hệ thống chữa cháy: Các hệ thống bảo vệ theo tiêu chuẩn Việt Nam và/hoặc tiêu chuẩn quốc tế sẽ được trang bị. Tất cả các hệ thống chữa cháy được kiểm tra định kỳ bởi người được phân công trách nhiệm.
- Cấm hút thuốc trong phạm vi cơ sở; có bảng chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu cấm lửa để ở nơi dễ nhìn thấy.
- Trường hợp xảy ra sự cố phải sơ tán mọi người đến nơi an toàn; dập tắt ngọn lửa trần, nguồn nhiệt và các kích ứng khác; kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh nhằm hạn chế hóa chất đổ lan rộng hơn.

❖ Phòng chống sự cố sét đánh

Để bảo vệ các công trình tại Cửa hàng không bị sét đánh, Chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống chống sét trên mái nhà. Hệ thống chống sét của Cửa hàng được thiết kế, lắp đặt tuân thủ theo đúng TCVN 9385:2012 – Chống sét cho công trình xây dựng.

❖ Biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu

Tràn dầu là sự cố xảy ra ngoài ý muốn, có rất nhiều nguyên nhân có thể gây ra sự cố tràn dầu:

- Do đường ống dẫn dầu lắp đặt không đúng kỹ thuật.
- Do lượng nhiên liệu nhập quá sức chứa của bồn, bể khiến nhiên liệu chảy tràn ra ngoài tại miền họng nhập.
- Trong quá trình nhập hàng vào bể chứa xăng dầu xảy ra cháy nổ xe xitec gây chảy tràn ra ngoài môi trường.
- Sự cố bể chứa hỏng, rò rỉ, bị nứt, bị ăn mòn hóa học gây lủng, nứt.
- Do thiên tai (*động đất, lũ lụt,...*).
- Do dầu bị rò rỉ từ hệ thống block bơm, bầu lường.

– Do đường ống kết nối bị nứt, vỡ, bị ăn mòn, sức bền của vật liệu chế tạo đường ống giảm dần theo thời gian, dây bơm đứt, nứt, gãy, cò bơm bị hỏng.

– Do nhân viên bán hàng thực hiện không đúng quy trình bán hàng.

– Do sự cố đâm va, húc đổ trụ bơm điện tử khiến dầu tràn ra ngoài.

Để đề phòng các tình huống xảy ra sự cố, chủ cơ sở áp dụng đầy đủ các biện pháp sau đây:

– Xây dựng các kế hoạch, phương án ứng cứu sự cố tràn dầu trong phạm vi hoạt động của Cửa hàng, phù hợp với hoàn cảnh thực tế tại nơi có khả năng rủi ro về sự cố cao nhất như khu vực bồn nhập nhiên liệu, trụ bơm, xe chuyên dụng... nhằm chủ động đối phó với các tình huống sự cố có thể xảy ra.

– Trang bị đầy đủ các công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC hoặc ký hợp đồng với Công ty ứng phó sự cố tràn dầu tại khu vực gần nhất.

– Tuyên truyền nâng cao nhận thức nhân viên về ý thức, trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy trình xuất, nhập, lưu trữ xăng dầu tránh để xảy ra sự cố tràn dầu.

– Hàng năm, tiến hành kiểm tra các bể chứa dựa trên đồng hồ đo và mức tiêu hao bất thường trong quá trình kinh doanh để khắc phục kịp thời sự cố. Thường xuyên kiểm tra bảo quản, bảo dưỡng các bồn chứa xăng dầu và các trang thiết bị.

– Trong trường hợp sự cố xảy ra:

+ Ưu tiên thu gom dầu tràn bằng các biện pháp thủ công không gây tổn hại cho môi trường nhằm ngăn không cho dầu tiếp tục tràn lan. Không thu gom bằng cách xúc đất đổ đi nơi khác hoặc dùng các phương tiện máy móc hạng nặng.

+ Huy động lực lượng ứng phó của địa phương như bộ đội, thanh niên, dân quân tự vệ,... cùng nhân dân trong khu vực tham gia thu gom dầu.

+ Chứa dầu ô nhiễm dạng sệt lỏng vào các thùng phuy có nắp đậy, chứa dầu ô nhiễm đã phong hóa vào các túi hai lớp (*lớp bên trong bằng nilon*) hoặc đào các hố chứa tạm có lót giấy dầu tại các khu vực tràn dầu.

+ Vận chuyển dầu ô nhiễm trong container, túi, thùng chứa,... đến các bãi thải tập kết theo quy định của các địa phương để xử lý bằng phương pháp đốt.

+ Sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, áo mưa, mũ cho các lực lượng trực tiếp tham gia ứng phó, thu gom dầu (*tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu*) nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho mọi người.

– Giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nhiễm dầu: Các bước thực hiện trong quá trình ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở bao gồm:

+ Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời và khẩn trương thu gom, làm sạch môi trường.

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của địa phương, đơn vị, bằng mọi cách ứng phó kịp thời nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về kinh tế và môi trường.

+ Nguyên tắc chủ đạo là thu hồi dầu ra khỏi môi trường bằng phương tiện thủ công/cơ học theo phương châm càng gần vệt dầu càng tốt, xử lý nhanh, gọn để tránh gây thêm tác hại cho môi trường do chính các hoạt động thu hồi dầu gây ra.

+ Cần theo dõi chặt chẽ sự lan truyền của vệt dầu, dự tính hướng lan truyền dầu chính, thời gian, khu vực ảnh hưởng tiếp theo. Cần sử dụng kết hợp các số liệu về tràn dầu và thời tiết với bản đồ nhạy cảm môi trường để đưa ra các quyết định hành động ứng phó thích hợp nhất trong quá trình ứng phó.

+ Tăng cường phương án phối hợp, tổ chức lực lượng, phương tiện ứng phó, bảo đảm phòng chống cháy và sơ tán nhân dân ra ngoài vùng nguy hiểm.

+ Vận chuyển dầu ô nhiễm về các bãi thải khu vực ngay khi có phương tiện vận chuyển, sau đó xử lý bằng phương pháp đốt bằng lò đốt đặt tại vùng đất cao, khô cằn và xa khu dân cư hoặc tập kết, thu gom về nơi tập kết của tỉnh.

+ Ngoài ra, chọn biện pháp làm sạch và khôi phục môi trường thể hiện cụ thể và đầy đủ các biện pháp để giảm thiểu, ứng phó sự cố tràn dầu gửi cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt.

– Khắc phục hậu quả:

Sự cố tràn dầu thường để lại hậu quả rất nghiêm trọng, làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, tài nguyên thủy sinh, tài nguyên nước, tài nguyên đất trên một khu vực khá rộng, gây thiệt hại đến các hoạt động kinh tế. Cần phải có những biện pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả để khắc phục tình trạng trên.

Khi có sự cố tràn dầu xảy ra thì phải có các biện pháp để hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng xấu đến môi trường. Tùy thuộc vào đặc điểm của từng sự cố tràn dầu cụ thể mà có các biện pháp khắc phục riêng, bao gồm các đặc điểm: lượng dầu tràn, loại dầu, hướng trôi dạt, điều kiện tự nhiên của khu vực (*địa hình, địa mạo, thảm thực vật, đường giao thông, sóng, gió,...*). Việc khắc phục hậu quả do sự cố tràn dầu được tiến hành từ hoạt động ứng cứu sự cố đến hoạt động khôi phục, làm sạch môi trường và đền bù, bồi thường thiệt hại.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

– *Nguồn phát sinh nước thải:*

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của nhân viên Cửa hàng và khách hàng.

+ Nguồn số 2: Nước thải nhiễm dầu

– *Dòng nước thải sau xử lý xả ra môi trường tiếp nhận:*

+ Dòng nước thải số 01: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua hệ thống bể tự hoại 03 ngăn tự ngấm vào môi trường đất. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 9. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số ô nhiễm	ĐVT	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	BOD ₅	mg/l	50
2	TSS	mg/l	100
3	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	20
4	NH ₄ ⁺ (Amoni)	mg/l	10
5	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

+ Dòng nước thải số 02: Nước thải nhiễm dầu sau xử lý cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 10. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải nhiễm dầu

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cơ sở không có dịch vụ rửa xe
1	pH	-	5,5 - 9
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

– *Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:*

+ Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tại khu vực nhà vệ sinh (*Giếng thấm*).
- Nước thải nhiễm dầu: Mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Pênh Plong, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum

+ Phương thức xả thải: Tự ngấm vào môi trường đất.

- Nước thải sinh hoạt: Tự ngấm vào môi trường đất.
- Nước thải nhiễm dầu: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận:

- Nước thải sinh hoạt: Môi trường đất tại khu vực cửa hàng.
- Nước thải có lẫn dầu: Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Lĩnh vực hoạt động của cơ sở là kinh doanh bán lẻ xăng dầu, khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện ra vào Cửa hàng và máy phát điện dự phòng,... Tuy nhiên, các nguồn thải này không tập trung và không thu gom, xử lý được nên không thuộc đối tượng phải cấp phép xả thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

– *Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:* Từ động cơ của các phương tiện vận chuyển xăng dầu, các phương tiện giao thông ra vào khu vực Cửa hàng để nạp nhiên liệu, tiếng còi xe, tiếng máy nổ phát điện dự phòng. Khu vực Cửa hàng không nằm trong hàng rào của các cơ sở y tế, thư viện, nhà trẻ, trường học, nhà thờ, đình, chùa và các khu vực có quy định đặc biệt khác nên áp dụng mức cho phép của khu vực thông thường theo quy định.

– *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:*

+ Tiếng ồn: Mức âm tương đương (L_{Aeq}) phải đảm bảo giới hạn tối đa cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 11. Giá trị giới hạn cho phép đối với tiếng ồn

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức âm tương đương cho phép (dBA)	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45

2	Khu vực thông thường	70	55
---	----------------------	----	----

+ Độ rung: Mức gia tốc rung phải đảm bảo giới hạn tối đa cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 12. Giá trị giới hạn cho phép đối với độ rung

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Hoạt động của Cửa hàng không phát sinh nước thải sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà chỉ có nước thải phát sinh từ sinh hoạt của nhân viên và khách hàng. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó tự ngấm vào môi trường đất, do đó không thực hiện quan trắc nước thải sinh hoạt.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Loại hình kinh doanh xăng dầu không tạo ra bụi, khí thải nên không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải. Tuy nhiên quá trình di chuyển của các phương tiện giao thông ra vào khu vực sẽ làm phát sinh lượng bụi cuốn lên từ bề mặt và khí thải từ động cơ các phương tiện gây ảnh hưởng môi trường không khí xung quanh.

Để giám sát chất lượng môi trường xung quanh tại khu vực nhằm đánh giá mức độ gây tác động đến môi trường do hoạt động của Cửa hàng, Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy đã hợp đồng với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện đầy đủ công tác quan trắc môi trường định kỳ tại Cửa hàng theo đúng chương trình giám sát môi trường trong Bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại Cửa hàng được thực hiện đối với môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn và chất lượng nước dưới đất. Kết quả quan trắc được tổng hợp trong 02 năm 2022 - 2023, cụ thể như sau:

❖ Không khí xung quanh, tiếng ồn

– *Vị trí quan trắc:* 01 vị trí tại khu vực Cửa hàng.

– *Quy chuẩn kỹ thuật so sánh:* QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

– *Thời gian quan trắc:*

+ Năm 2022: 01 đợt (ngày 17/6/2022).

+ Năm 2023: 01 đợt (ngày 17/7/2023).

Bảng 7. Kết quả quan trắc bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả quan trắc		Giá trị QCVN
			Năm 2022	Năm 2023	
1	Nhiệt độ	°C	27,9	25,3	18 – 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	61,4	88,9	40 – 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	0,4	0,2 – 1,5 ⁽¹⁾
4	Độ ồn	dBA	60	65,8	70 ⁽²⁾ ; 85 ⁽³⁾
5	Bụi lơ lửng	µg/Nm ³	67,1	41,6	300 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

– ⁽¹⁾: QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

– ⁽²⁾: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

– ⁽³⁾: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

– ⁽⁴⁾: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

– ⁽⁵⁾: QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn trong 02 năm 2022 – 2023 tại khu vực Cửa hàng xăng dầu của Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy cho thấy các chỉ tiêu về môi trường không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

❖ Nước dưới đất

– *Vị trí quan trắc:* 01 vị trí tại giếng tại khu vực Cửa hàng.

– *Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

– *Thời gian quan trắc:*

+ Năm 2022: ngày 17/6/2022.

+ Năm 2023: ngày 17/7/2023.

Bảng 8. Kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả QT		Giá trị QCVN	
			Năm 2022	Năm 2023	QCVN 09: 2023/BTNMT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	pH	-	5,92	6,08	5,5 – 8,5	6,0 - 8,5
2	TSS	mg/L	<2	KPH	-	-
3	Độ cứng	mg/L	64,3	70,2	500	300
4	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,33	0,46	15	2
5	SO ₄ ²⁻	mg/L	3,09	<3,2	400	250
6	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	-	-
7	Coliforms	CFU/100mL	KPH	KPH	3	<3

Ghi chú:

- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy các thông số trong nước giếng đều có giá trị đạt giới hạn tối đa về chất lượng nước dưới đất theo quy định (*QCVN 09:2023/BTNMT*). Tuy nhiên, giá trị pH tại thời điểm quan trắc hơi thấp hơn so với ngưỡng giới hạn thấp nhất cho phép về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (*QCVN 01-1:2018/BYT*), do đó cần có biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng cho ăn uống.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:

Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Căn cứ khoản 2, Điều 111, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Căn cứ khoản 2, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ khoản 1, Điều 111, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

Căn cứ khoản 1, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường theo đề xuất của chủ cơ sở:

Để theo dõi chất lượng môi trường xung quanh tại khu vực kinh doanh của Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy, Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc môi trường định kỳ như sau:

a) Quan trắc môi trường không khí xung quanh:

- Thông số quan trắc: Bụi lơ lửng, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.
- Vị trí quan trắc: 01 mẫu lấy tại khu vực cửa hàng.
- Tần suất quan trắc: 1 năm/lần.
- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) *Giám sát chất thải rắn:*

– Chất thải rắn thông thường: Giám sát khối lượng phát sinh, thành phần chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

– Chất thải nguy hại: Giám sát thành phần, khối lượng, biện pháp quản lý và hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom chuyên đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Hàng năm, Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy sẽ bố trí kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ tại Cửa hàng theo đúng quy định, cụ thể:

Bảng 15. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Quan trắc môi trường				
1	Bụi, khí thải, tiếng ồn	Đợt/năm	01	1.090.000	1.090.000
II	Lập báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường	Báo cáo/năm	01	4.000.000	4.000.000
III	Tổng (I+II+III)				5.090.000

– *Nguồn kinh phí thực hiện:* Kinh phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Năm 2022 và 2023, cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có tiến hành kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường tại Cửa hàng xăng dầu Quốc Huy.

Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh Cửa hàng chưa có dấu hiệu gây tác động xấu đến môi trường tại khu vực, Doanh nghiệp luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy cam đoan các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là chính xác và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Doanh nghiệp tư nhân Quốc Huy xin cam kết:

– Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi thấm vào môi trường đất; Nước thải nhiễm dầu được xử lý qua bể tách dầu trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

– Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại khu vực cửa hàng đảm bảo giới hạn của QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT; đảm bảo môi trường không khí xung quanh không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

– Quản lý chặt chẽ các hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung tại cơ sở đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 24/2016/TT-BYT, QCVN 27/2016/BYT và đối với khu vực xung quanh không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

– Thu gom, phân loại, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh tại Cửa hàng theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

– Thực hiện các biện pháp phòng chống các sự cố, đảm bảo an toàn lao động, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

– Hàng năm, thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC